

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2020/HSST**
Ngày 30-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Luân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thuận;

2/ Bà Phạm Thị Thơm;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Lục Văn Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HS ngày 01/06/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 55/2020/HSST-QĐ ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V, sinh năm 1984 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Ấp 8, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Không biết chữ; giới tính nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và con bà Trần Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án, tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2004/HSST ngày 26/11/2004 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo 01 năm 8 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 10/02/2020, đến ngày 16/02/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt;

Bị hại: Anh Phạm Văn N; có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Tân B, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Xuân Ph - vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Xuân Ch – vắng mặt;

+ Anh Vũ Trí M – vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối 29/3/2007 anh Nguyễn Xuân Ch mượn xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, số máy: OFMG00103939, Số khung G084UM103939, Biển kiểm soát (BKS) 48F4 - 9441 của ông Nguyễn Xuân Ph để đi chơi cùng Phạm Văn N đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì Ch đưa xe cho anh N về để ở trước sân nhà anh N. Cùng thời gian này, Nguyễn Văn V và Vũ Trí M đến quán tại ngã ba cửa rừng (đối diện nhà anh N) thuộc thôn T, xã N chơi Bi Da. Trong lúc đang chơi Bi Da, V và M nhắc tới việc sẽ xuống Đồng Nai chơi, nhưng do không có tiền nên cả hai bàn bạc sẽ di chuyển bằng phương tiện gì cho phù hợp. Quan sát thấy đối diện quán Bi Da phía trước nhà anh Nam có chiếc xe mô tô BKS 48F4-9441 đang dựng ở sân nhưng không có người trông coi nên V và M nảy sinh ý định trộm cắp xe để làm phương tiện đi lại. V và M đi lại gần chiếc xe, M dắt chiếc xe còn V đứng ngoài cảnh giới. M dắt được xe thì V phụ M đẩy chiếc xe theo đường cách vị trí ban đầu khoảng 200m rồi dừng lại, M dùng bật lửa ga soi cho V rút dây điện rồi Việt nổ máy xe chở M về Đồng Nai. Khi đi được khoảng 10Km thì V dừng lại lấy kim trong cốp xe tháo Biển kiểm soát vứt đi nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Sau đó, V chở M về Ấp 8, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai chơi. Khoảng 21 giờ ngày 01/04/2007, V đưa chiếc xe trên cho một người bạn tên M (chưa xác định được nhân thân) mượn, quá trình sử dụng thì M bị Cảnh sát giao thông huyện L - Tỉnh Đồng Nai kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính và tạm giữ xe, sau đó M đưa lại biên bản vi phạm cho V giữ.

Sau khi thực hiện hành vi M bỏ trốn đến ngày 12/4/2007 bị công an huyện L tạm giữ theo thủ tục hành chính và bàn giao cho gia đình, đến ngày 05/7/2007, M bị Công an xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông lập hồ sơ giáo dục tại xã. V bỏ trốn và bị Cơ quan CSĐT Công an huyện C truy nã, đến ngày 10/2/2020 Việt ra đầu thú.

Vật chứng của vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện C thu giữ:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, số máy: OFMG00103939, Số khung G084UM103939, không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, không có yếm chắn bùn, không có mặt nạ xe.

Ngày 07/5/2007 Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu.

- 01 biển kiểm soát số 48F4-9441 bị V tháo vứt bỏ, không xác định được địa điểm vứt bỏ nên cơ quan CSĐT Công an huyện C không thu giữ được.

Tại kết luận định giá số 10 ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Đắk Nông kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, số máy: OFMG00103939, Số khung G084UM103939, không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, không có yếm chắn bùn, không có mặt nạ xe tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 18/04/2007 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, số máy: OFMG00103939, Số khung G084UM103939, BKS số 48F4-9441 của ông Nguyễn Xuân Ph, giá trị chiếc xe tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 20/CTr-VKS ngày 14/5/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án:

Căn cứ Điều Điều 46, Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS năm 2015:

Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, số máy: OFMG00103939, Số khung G084UM103939, không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, không có yếm chắn bùn, không có mặt nạ xe cho ông Nguyễn Xuân Ph là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Ph đã được bị cáo bồi thường thiệt hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị hại anh Phạm Văn N không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Vào tối 29/3/2007, tại thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, bị cáo Nguyễn Văn V đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, số máy: OFMG00103939, Số khung G084UM103939, BKS số 48F4-9441 của ông Nguyễn Xuân Ph, giá trị chiếc xe tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), thể hiện bản chất coi thường pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Mặc dù, Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, bộ luật Hình sự hiện hành có bổ sung hành vi phạm tội mới đối với tội "Trộm cắp tài sản". Do đó, theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 thì hành vi của bị cáo Nguyễn Văn V vẫn được xử lý theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại điểm khoản 1 Điều 138 của BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

... ”

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự an ninh tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật công nhận

và bảo vệ. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của họ. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo bỏ trốn đến ngày 10/2/2020 bị cáo đến Cơ quan CSĐT Công an huyện C đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Mặt khác, bị cáo đã có 01 tiền án, cụ thể ngày 26/11/2004 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chấp hành xong hình phạt ngày 02/9/2005) chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần áp dụng đối với bị cáo hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo cải tạo, giáo dục thành người có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "Tái phạm" nên cần áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chủ sở hữu ông Nguyễn Xuân Ph, bị hại anh Phạm Văn N không yêu cầu bị cáo bồi thường, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn bãi nại cho bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Đối với Vũ Trí M, (sinh ngày 22/11/1991) khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với tội ít nghiêm trọng. Vì vậy, Cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với M là có căn cứ.

Đối với đối tượng tên M được bị cáo V cho mượn xe để sử dụng, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện C tiếp tục xác minh khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[8] *Về vật chứng của vụ án:* Căn cứ Điều Điều 46, Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS năm 2015:

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, số máy: OFMG00103939, Số khung G084UM103939, không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, không có yếm chắn bùn, không có mặt nạ xe cho ông Nguyễn Xuân Ph là chủ sở hữu hợp pháp.

[9] *Về trách nhiệm dân sự:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Ph đã được bị cáo bồi thường thiệt hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị hại anh Phạm Văn N không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[10] Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[11] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

**/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.*

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Văn V** 06 (sáu) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020.

**/ Về trách nhiệm dân sự*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Ph đã được bị cáo bồi thường thiệt hại và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị hại anh Phạm Văn N không yêu cầu bồi thường.

**/ Về vật chứng của vụ án*: Căn cứ Điều 46, Điều 47 BLHS; Điều 106 của BLTTHS:

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, số máy: OFMG00103939, Số khung G084UM103939, không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, không có yếm chắn bùn, không có mặt nạ xe cho ông Nguyễn Xuân Ph là chủ sở hữu hợp pháp.

(Đặc điểm các vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/05/2007 của cơ quan CSĐT Công an huyện C).

**/ Về án phí*: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

**/ Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông.
- Phòng PV06; PC10 CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CA huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ; VP; BP-THAHS

Nguyễn Bá Luân